TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 199/2018/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 16 tháng 11 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 189/2018/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đắc, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị bà Phạm Thị V và ông Nguyễn Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị V và ông Nguyễn Văn Đ thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

- Bà Phạm Thị V và ông Nguyễn Văn Đ thỏa thuận thống nhất giao con chung Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 05/03/2003 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

- Bà V đóng góp nuôi con với ông Đ số tiền 1.000.000 đồng/tháng *(một triệu đồng)* cho đến khi cháu A thành niên *(đủ 18 tuổi)*.

Bà V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai đ- ợc phép cản trở quyền này. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi ng- ời trực tiếp nuôi con, mức cấp d- ỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi

thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về chia tài sản: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Bà Phạm Thị V tự nguyện chịu 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng bà V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003428, ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trình Minh Hùng